TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HS-ST
Ngày 28/12/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Biên
Ông Dương Đông Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/HSST-QĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Trình Trung H**; sinh ngày 04 tháng 6 năm 1988 tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trình Quốc H và bà Phạm Thị T; vợ: Nguyễn Thị D và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 30/5/2023, tạm giam ngày 08/6/2023 đến ngày 14/7/2023 được thay thế biện pháp "Tạm giam" bằng biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt.

2. **Nguyễn Xuân M**; sinh ngày 05 tháng 02 năm 1979 tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn M, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu G và bà Trần Thị L; vợ: Lê Thị T và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 15/2010/HSST ngày 15/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung xử phạt 14 tháng 21 ngày tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 29 tháng 12 ngày về tội "Dâm ô với trẻ em"; bị cáo bị tạm giữ ngày 31/5/2023, tạm giam ngày 09/6/2023 đến ngày 14/7/2023 được thay thế biện pháp "Tạm giam" bằng biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Số …, khu đô thị Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Trình Văn P, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Phạm Thị C sinh năm 1987. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

7. Chị Bùi Thị Thúy H, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2023, Trình Trung H sử dụng tiền của cá nhân, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max màu xanh, gắn sim số 0977674797 và tài khoản ngân hàng số 10288461988 tại Ngân hàng Viettinbank, mang tên Trình Trung H để giao dịch cho 03 người vay tiền với lãi suất 10%/tháng, tương ứng 0,333%/ngày, tương ứng 121,666%/năm, gấp 6,08 lần; Nguyễn Xuân M sử dụng nguồn vốn cá nhân, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone SE màu trắng, gắn sim số 0823338222 và tài khoản ngân hàng số 1088801858… tại Ngân hàng Viettinbank, mang tên Nguyễn Xuân M để giao dịch cho 01 người vay tiền lấy lãi suất 10%/tháng, tương ứng 0,333%/ngày, tương ứng 121,666%/năm, gấp 6,08 lần; đồng thời Trình Trung H và Nguyễn Xuân M cùng nhau thực hiện cho 01 người vay tiền với mức lãi suất từ 121,666%/năm đến 365%/năm, gấp 6,08 lần đến 18,25 lần; những người vay tiền của H và M đều thực hiện dưới hình thức tín chấp, thanh toán tiền lãi và gốc bằng cách đưa trực tiếp hoặc chuyển khoản. Hành vi cho vay của Trình Trung H và Nguyễn Xuân M được thực hiện cụ thể như sau:

I. Đối với Trình Trung H:

1. Ngày 05/12/2021, Trình Trung H cho chị Trịnh Thị N vay 200.000.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng, không tính lãi suất, mấy ngày sau, chị N trả cho H số tiền 161.000.000 đồng, còn lại 39.000.000 đồng H và chị N thống nhất thỏa thuận tính lãi suất 10%/tháng; ngày 28/10/2022 chị N trả 10.000.000 đồng; thời hạn vay kể từ ngày 05/12/2021 đến ngày 28/10/2022 (327 ngày) chị N phải trả số tiền lãi là 41.927.671 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là

6.987.945 đồng; chị N đã trả cho H là 42.900.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 35.912.055 đồng.

- Ngày 28/10/2022, chị N trả tiền gốc 10.000.000 đồng và nợ lại 29.000.000 đồng được tính lãi suất như trên kể từ ngày 29/10/2022 đến ngày 21/3/2023 (143 ngày); chị N phải trả số tiền lãi là 13.633.973 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.272.329 đồng; tiền lãi chị N đã trả cho H là 14.500.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 12.227.671 đồng.

- Ngày 21/3/2023 chị N trả cho H 10.000.000 đồng và nợ lại số tiền gốc là 19.000.000 đồng được tiếp tục tính lãi suất như kể từ ngày 22/3/2023 đến ngày 30/5/2023 (68 ngày), số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 707.945 đồng, số tiền thu lời bất chính 1.192.055 đồng; tiền lãi chị Nga đã trả cho Hoàn số tiền 1.900.000 đồng và chưa thanh toán tiền gốc.

2. Ngày 11/5/2022 Trình Trung H cho anh Vũ Văn H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 11/5/2022 đến ngày 09/8/2022 (90 ngày), anh H phải trả số tiền lãi là 5.917.808 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự là 986.301 đồng, số tiền thu lời bất chính là 5.013.699 đồng, anh Hà đã trả cho H số tiền lãi 6.000.000 đồng và thanh toán xong tiền gốc.

- Ngày 09/10/2022 H cho anh H vay số tiền 40.000.000 đồng thời gian vay từ ngày 09/10/2022 đến ngày 09/12/2022 (61 ngày), anh H phải trả số tiền lãi là 8.021.918 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.336.986 đồng, số tiền thu lời bất chính là 6.963.014 đồng; về tiền lãi anh H đã trả cho anh H số tiền 8.300.000 đồng và trả hết số tiền nợ gốc cho H.

- Ngày 20/12/2022, H cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/3/2023 (90 ngày), anh H phải trả số tiền lãi là 14.794.521 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.465.753 đồng, số tiền thu lời bất chính là 12.534.247 đồng; về tiền lãi, anh H đã trả cho H số tiền lãi 15.000.000 đồng và trả hết số tiền nợ gốc cho H.

- Ngày 13/4/2023, H cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 13/4/2023 đến ngày 30/5/2023 (47 ngày), anh H phải trả số tiền lãi là 3.090.411 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 515.068 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.484.932 đồng; về tiền lãi anh H đã trả cho H số tiền 2.000.000 đồng và chưa thanh toán tiền gốc.

- Ngày 16/5/2023, H cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 16/5/2023 đến ngày 30/5/2023 (14 ngày), anh H phải trả số tiền lãi là 2.031.370 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 383.562 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.917.808 đồng; anh H chưa thanh toán tiền lãi và gốc của gói vay này.

3. Ngày 28/7/2022, Trình Trung H cho anh P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 28/7/2022 đến ngày 30/5/2023 (306 ngày), anh P phải trả số tiền lãi là 10.060.274 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là

1.670.712 đồng, số tiền thu lời bất chính là 6.317.288 đồng, anh P đã trả tiền lãi cho H là 8.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

- Ngày 31/8/2022, H tiếp tục cho anh P vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 31/8/2022 đến ngày 30/5/2023 (272 ngày), anh P phải trả số tiền lãi là 17.884.932 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.980.822 đồng, số tiền thu lời bất chính là 11.019.178 đồng; anh P đã trả tiền lãi cho H số tiền là 14.000.000 đồng và chưa thanh toán tiền gốc.

- Trình Trung H cho anh P vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 06/10/2022 đến ngày 30/5/2023 (236 ngày), số tiền lãi đã trả là 15.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 30.000.000 đồng x 20% : 365 x 236 ngày = 3.879.452 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.120.548 đồng; anh P chưa thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng.

- Trình Trung H cho anh P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 05/11/2022 đến ngày 30/5/2023 (206 ngày), số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 206 ngày = 1.128.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.871.233 đồng; anh P chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

II. Đối với Trình Trung H và Nguyễn Xuân M.

Xuất phát từ quan hệ thân thiết với Nguyễn Xuân M nên Trình Trung H bàn bạc, thống nhất với M để M đứng ra cho anh Nguyễn Ngọc Y vay tiền với lãi suất cao, H là người bỏ vốn, M đứng ra giao dịch cho vay và được hưởng 10% tổng số tiền lãi thu được, cụ thể như sau:

- Ngày 27/8/2021, Trình Trung H chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản 1088801858… tại Ngân hàng Viettinbank của Nguyễn Xuân M để M cho anh Nguyễn Ngọc Y vay với lãi suất 10%/tháng; anh Y và M không thỏa thuận thời hạn vay; tính từ ngày 27/8/2021 đến ngày 30/5/2023, anh Y đã vay 641 ngày, tương ứng số tiền lãi phải trả là 84.295.890 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 14.049.315 đồng, số tiền nhằm thu lời bất chính là 71.950.685 đồng; tổng số tiền lãi anh Y đã trả cho M là 86.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc.

- Ngày 30/9/2022, Trình Trung H chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng cho M để M cho anh Y vay với lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 01%/ngày, tương ứng 365%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 18,25 lần; đến ngày 01/10/2022, thời hạn vay là 02 ngày, anh Y phải trả số tiền lãi là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.890.411 đồng; về tiền lãi, anh Y đã trả cho anh M số tiền là 2.000.000 đồng; số tiền gốc, anh Y đã trả cho anh M và anh M đã trả lại cho anh H.

- Ngày 08/10/2022, Trình Trung H chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng cho M, sau đó M cho anh Y vay với lãi suất 10%/tháng, vay đến ngày 08/11/2022, thời hạn vay là 31 ngày, anh Y phải trả số tiền lãi là 2.038.356 đồng, số tiền lãi được thu theo quy

định là 339.726 đồng; anh Y đã trả cả tiền gốc và lãi cho M là 22.000.000 đồng M đã trả lại tiền gốc cho H.

- Ngày 24/02/2023, Trình Trung H chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng cho M để M cho anh Y vay với lãi suất 10%/tháng, vay đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 95 ngày; số tiền lãi được thu theo quy định là 520.548 đồng, số tiền nhằm thu lời bất chính là 1.479.452 đồng; anh Y đã trả cho M 2.000.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

III. Đối với Nguyễn Xuân M.

- Ngày 27/12/2021, Nguyễn Xuân M cho anh Vũ Văn T vay số tiền 40.000.000 đồng (Được thỏa thuận cộng dồn từ các khoản vay ngày 26/7/2021 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 16/8/2021 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 19/8/2021 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 27/12/2021 số tiền 10.000.000 đồng); đến ngày 26/7/2022, thời hạn vay là 211 ngày; số tiền lãi được thu theo quy định là 4.624.658 đồng; tổng số tiền lãi anh T đã trả cho M số tiền lãi là 28.000.000 đồng, đồng thời đã trả hết tiền gốc là 40.000.000 đồng; số tiền thu lời bất chính là 23.375.342 đồng.

- Ngày 01/6/2022, Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 363 ngày, anh T phải trả số tiền lãi là 11.934.247 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 1.989.041 đồng; số tiền gốc, anh T chưa trả cho M.

- Ngày 31/7/2022, Nguyễn Xuân M tiếp tục cho anh T vay số tiền 30.000.000 đồng; đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 303 ngày, số tiền lãi được thu theo quy định là 4.980.822 đồng; số tiền gốc, anh T chưa trả cho M.

- Ngày 17/8/2022, Nguyễn Xuân M tiếp tục cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng; đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 286 ngày, anh T phải trả số tiền lãi là 9.565.710 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 1.567.123 đồng; số tiền gốc, anh T chưa trả cho M.

- Ngày 07/9/2022, Nguyễn Xuân M cho anh T vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng; đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 265 ngày, số tiền lãi được thu theo quy định là 1.452.055 đồng; số tiền gốc, anh T chưa trả cho M.

- Ngày 01/10/2022, Nguyễn Xuân M tiếp tục cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 241 ngày, số tiền lãi được thu theo quy định là 1.320.548 đồng; số tiền gốc, anh T chưa trả cho M.

- Ngày 01/11/2022 Nguyễn Xuân M lại tiếp tục cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 210 ngày, số tiền lãi được thu theo quy định là 2.301.370 đồng; số tiền gốc anh T chưa trả cho M.

- Ngày 12/01/2023 Nguyễn Xuân M cho anh T vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 30/5/2023, thời hạn vay là 138 ngày, số tiền lãi được thu theo quy định là 756.164 đồng; số tiền gốc anh T chưa trả cho M.

Đối với 07 lần vay này, anh T đã trả cho M tổng số tiền lãi thực tế là 68.000.000 đồng.

Thực hiện việc khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trình Trung H và thu giữ: 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei: 353776398872…, Imei 2: 353776398937…, bên trong chứa sim số 0977674…; 01 điện thoại nhãn hiệu IphoneX màu trắng, đã qua sử dụng, có số Imei: 354861095243…, bên trong chứa sim số 0335762…; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 359015638932…, Imei 2: 359015638924…, đã qua sử dụng, bên trong chứa sim số 0982.363…; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, đã qua sử dụng, có imei: 353808087197…, bên trong chứa sim số 0328.999…; 08 giấy vay mượn tiền.

Thực hiện việc khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Xuân M và thu giữ: 02 tập giấy nộp tiền cho Ngân hàng nhà nước của Nguyễn Xuân M; 01 giấy vay tiền mang tên Bùi Thị H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh, có số Imei: 356713111962…, bên trong chứa sim số 0971.1192…, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu trắng, đã qua sử dụng, số Imei 3538446081328…, bên trong chứa sim số 0823338….

Ngày 07/8/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Trung ra Quyết định trưng cầu 261/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phục hồi, trích xuất dữ liệu "tin nhắn SMS", "tin nhắn zalo" trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max tạm giữ của Trình Trung H. Bản Kết luận giám định số 3191/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Tìm thấy 743 tin nhắn Apple, 237 ảnh chụp màn hình thể hiện tin nhắn facebook messenger. Qua khai thác dữ liệu, các tin nhắn trong điện thoại có nội dung liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Trình Trung H.

Ngày 17/7/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Trung trưng cầu 266/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phục hồi, trích xuất dữ liệu "tin nhắn SMS", "tin nhắn zalo" trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, số imei: 356713111962… và 01 điện thoại nhãn hiệu iphone SE màu trắng, số Imei 3538446081328… tạm giữ của Nguyễn Xuân M. Bản Kết luận giám định số 3463/KL-KTHS ngày 28/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Trong 01 điện thoại nhãn hiệu iphone SE màu trắng, số Imei 3538446081328… tìm thấy 80 tin nhắn SMS; trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 pro max, số imei: 356713111962… tìm thấy 207 tin nhắn SMS, 26947 tin nhắn zalo. Kèm theo 01 tệp tin "PhuLuc.rar" dung lượng 50.6 MB được lưu trữ trong 01 đĩa DVD. Qua khai thác dữ liệu, các tin nhắn trong 2 điện thoại trên có nội dung liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Xuân M.

Các giấy tờ thu giữ của Nguyễn Xuân M và Trình Trung H được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án; đồ vật thu giữ của H không liên quan đến vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Trung đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Vật chứng là 03 chiếc điện thoại thu giữ của Trình Trung H và của Nguyễn Xuân M được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 08 giấy cho vay tiền thu giữ của Trần Trung H gồm: 03 giấy vay mượn tiền mang tên Hoàng Ngọc Đ trú tại thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và 02 giấy vay mượn tiền mang tên Vũ Huy H trú tại xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình điều tra xác định Trình Trung H cho vay không lấy lãi nên không có căn cứ để xử lý; 01 giấy vay tiền mang tên Hoàng Minh T; 01 giấy vay mượn tiền mang tên Trương Văn K; 01 giấy vay mượn tiền mang tên Lê Hữu T đều trú tại xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình xác minh 03 người này không có mặt tại địa phương, hiện đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài nên không xác định được; cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 78/CT-VKSHT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Trình Trung H, Nguyễn Xuân M về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Trình Trung H từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Xuân M từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi thời gian phạt tù; phạt bổ sung bằng tiền mỗi bị cáo 50.000.000 đồng; truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay là phương tiện phạm tội (Gồm khoản tiền bị cáo đã được người vay trả và khoản tiền người vay chưa trả cho các bị cáo); truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay; buộc bị cáo Trình Văn H trả lại cho anh Vũ Văn H và anh Trình Văn P số tiền thu lợi bất chính; chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị N, anh Nguyễn Ngọc Y, anh Vũ Văn T không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính; tịch thu sung quỹ nhà nước 03 chiếc điện thoại di động mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Tiếp tục quy trữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung để đảm bảo thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được mức hình phạt nhẹ nhất để có điều kiện cải tạo và cho được cải tạo tại địa phương; trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo Trình Trung H đã nộp 200.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Xuân M đã nộp 100.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung để khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa các bị cáo Trình Trung H, Nguyễn Xuân M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp vật chứng vụ án, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Nhằm mục đích thu lợi bất chính, từ tháng 08/2021 đến tháng 5/2023 các bị cáo Trình Trung H, Nguyễn Xuân M cho 05 người vay tiền với lãi suất 10%/tháng, tương ứng 0,333%/ngày, tương ứng 121,666%/năm và mức lãi suất 10.000 đồng/01triệu/ngày tương đương 365%/năm (Cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm); hành vi cho vay của các bị cáo H và M được thực hiện cụ thể như sau:

I. Bị cáo Trình Trung H cho chị Trịnh Thị N vay:

1 - Trình Trung H cho chị Trịnh Thị N vay số tiền 39.000.000 đồng, với lãi suất 10%/tháng, thời gian vay từ ngày 05/12/2021 đến ngày 28/10/2022 (327 ngày); số tiền lãi đã trả là 42.900.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 39.000.000 đồng x 20% : 365 x 327 ngày = 6.987.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 35.912.055 đồng; số tiền gốc đến ngày 28/10/2022 chị N trả 10.000.000 đồng.

2 - Số tiền gốc chị N còn nợ của Trình Trung H là 29.000.000 đồng tiếp tục tính lãi từ ngày 29/10/2022 đến ngày 21/3/2023 (143 ngày); số tiền lãi đã trả là 14.500.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 29.000.000 đồng x 20% : 365 x 145 ngày = 2.272.329 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 12.227.671 đồng; số tiền gốc đến ngày 21/3/2023 chị N trả 10.000.000 đồng.

3 - Số tiền gốc chị N còn nợ của Trình Trung H là 19.000.000 đồng tiếp tục tính lãi từ ngày 22/3/2023 đến ngày 30/5/2023 (68 ngày), số tiền lãi đã trả là 1.900.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 19.000.000 đồng x 20% : 365 x 68 ngày = 707.945 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.192.055 đồng; chị N chưa thanh toán số tiền gốc 19.000.000 đồng.

II. Bị cáo Trình Trung H cho anh Vũ Văn H vay:

1 - Trình Trung H cho anh Vũ Văn H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 11/5/2022 đến ngày 09/8/2022 (90 ngày), số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20.000.000 đồng x 20% : 365 x 90 ngày = 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.013.699 đồng; anh H thanh toán xong số tiền gốc 20.000.000 đồng.

2 - Trình Trung H cho anh H vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 09/10/2022 đến ngày 09/12/2022 (61 ngày), số tiền lãi đã trả là 8.300.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 40.000.000 đồng x 20% : 365 x 61 ngày = 1.336.986 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.963.014 đồng; anh H thanh toán xong số tiền gốc 40.000.000 đồng.

3 - Trình Trung H cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/3/2023 (90 ngày), số tiền lãi đã trả là 15.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 50.000.000 đồng x 20% : 365 x 90 ngày = 2.465.753 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.534.247 đồng; anh H thanh toán xong số tiền gốc 50.000.000 đồng.

4 - Trình Trung H cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 13/4/2023 đến ngày 30/5/2023 (47 ngày), số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20.000.000 đồng x 20% : 365 x 47 ngày = 515.068 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.484.932 đồng; anh H chưa thanh toán số tiền gốc 20.000.000 đồng.

5 - Trình Trung H cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 16/5/2023 đến ngày 30/5/2023 (14 ngày), số tiền lãi phải trả là 2.301.370 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 50.000.000 đồng x 20% : 365 x 14 ngày = 383.562 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.917.808 đồng; anh H chưa thanh toán số tiền tiền lãi và gốc 50.000.000 đồng.

III. Bị cáo Trình Trung H cho anh Trình Văn P vay:

1 - Trình Trung H cho anh Trình Văn P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 28/7/2022 đến ngày 30/5/2023 (306 ngày), số tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 306 ngày = 1.670.712 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.317.288 đồng; anh P chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

2 - Trình Trung H cho anh P vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 31/8/2022 đến ngày 30/5/2023 (272 ngày), số tiền lãi đã trả là 14.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20.000.000 đồng x 20% : 365 x 272 ngày = 2.980.822 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.019.178 đồng; anh P chưa thanh toán số tiền gốc 20.000.000 đồng.

3 - Trình Trung H cho anh P vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 06/10/2022 đến ngày 30/5/2023 (236 ngày), số tiền lãi đã trả là 15.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 30.000.000 đồng x 20% :

365 x 236 ngày = 3.879.452 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.120.548 đồng; anh P chưa thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng.

4 - Trình Trung H cho anh P vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 05/11/2022 đến ngày 30/5/2023 (206 ngày), số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 206 ngày = 1.128.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.871.233 đồng; anh P chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

IV. Bị cáo Trình Trung H và Nguyễn Xuân M cho anh Nguyễn Ngọc Y vay: Do có quan hệ giữa Trình Trung H với Nguyễn Xuân M nên H bàn bạc, thống nhất với M để M đứng ra cho anh Nguyễn Ngọc Y vay tiền với lãi suất cao, H là người bỏ vốn, M đứng ra giao dịch cho vay và được hưởng 10% tổng số tiền lãi thu được, cụ thể như sau:

1 - Trình Trung H chuyển tiền cho Nguyễn Xuân M, để M cho anh Nguyễn Ngọc Y vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 27/8/2021 đến ngày 30/5/2023 (641 ngày), số tiền lãi đã trả là 86.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 40.000.000 đồng x 20% : 365 x 641 ngày = 14.049.315 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 71.950.685 đồng; anh Y chưa thanh toán số tiền gốc 40.000.000 đồng.

2 - Trình Trung H chuyển tiền để M cho anh Y vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 30/9/2022 đến ngày 01/10/2022 (02 ngày), lãi suất 10.000 đồng/01triệu/ngày; số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 100.000.000 đồng x 20% : 365 x 02 ngày = 109.590 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.890.410 đồng; anh Y đã thanh toán số tiền gốc 100.000.000 đồng.

3 - Trình Trung H chuyển tiền để M cho anh Nguyễn Ngọc Y vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 08/10/2022 đến ngày 08/11/2022 (31 ngày), số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20.000.000 đồng x 20% : 365 x 31 ngày = 339.726 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.660.274 đồng; anh Y đã thanh toán số tiền gốc 20.000.000 đồng.

4 - Trình Trung H chuyển tiền cho M, để M cho anh Y vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 24/02/2023 đến ngày 30/5/2023 (95 ngày), số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 95 ngày = 520.548 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.479.452 đồng; anh Y chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

V. Bị cáo Nguyễn Xuân M cho anh Vũ Văn T vay:

1 - Nguyễn Xuân M cho anh Vũ Văn T vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 27/12/2021 đến ngày 26/7/2022 (211 ngày), số tiền lãi đã trả là 28.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 40.000.000 đồng x 20% : 365 x 211 ngày = 4.624.658 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 23.375.342 đồng; anh T đã thanh toán số tiền gốc 40.000.000 đồng.

2 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 01/6/2022 đến ngày 30/5/2023 (363 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 363 ngày = 1.989.041 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

3 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 31/7/2022 đến ngày 30/5/2023 (303 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 30.000.000 đồng x 20% : 365 x 303 ngày = 4.980.822 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng.

4 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 17/8/2022 đến ngày 30/5/2023 (286 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 286 ngày = 1.567.123 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

5 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 07/9/2022 đến ngày 30/5/2023 (265 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 265 ngày = 1.452.055 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

6 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/5/2023 (241 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 30.000.000 đồng x 20% : 365 x 241 ngày = 1.320.548 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

7 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/5/2023 (210 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20.000.000 đồng x 20% : 365 x 210 ngày = 2.301.370 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 20.000.000 đồng.

8 - Nguyễn Xuân M cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 12/01/2023 đến ngày 30/5/2023 (138 ngày); số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng x 20% : 365 x 138 ngày = 756.164 đồng; anh T chưa thanh toán số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo Trình Trung H và Nguyễn Xuân M đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; các bị cáo đều biết hành vi cho vay lãi nặng là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thu lợi bất chính. Hiện nay loại tội phạm này đang có xu hướng gia tăng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng tội phạm khác. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo, để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án này các bị cáo các lần thực hiện tội phạm độc lập với nhau, đó là

các lần Trình Trung H cho chị Trịnh Thị N, anh Vũ Văn H, anh Trình Văn P; Nguyễn Xuân M cho anh Vũ Văn T vay; các bị cáo chỉ đồng phạm trong lần cho anh Nguyễn Ngọc Y vay, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, phân công tổ chức nên vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau; bị cáo Trình Trung H là người bỏ tiền ra để cho bị cáo M giao dịch thực hiện việc cho vay với lãi suất cao, nên hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là ngang nhau.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trình Trung H, Nguyễn Xuân M phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội đã đầu thú; trong thời gian dịch Covid-19 đã tham gia quỹ phòng, chống dịch Covid-19; bị cáo M có ông nội là ông Nguyễn Như T tham gia dân công hỏa tuyến và được tặng thưởng "Huy chương kháng chiến" hạng Nhất, có mẹ là bà Trần Thị L tham gia thanh niên xung phong; trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, người vay đã tự nguyện xác lập giao dịch dân sự trái pháp luật, chấp nhận mức lãi suất và số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận với người cho vay, nên người vay cũng có một phần lỗi trong giao dịch trên. Do đó áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5.3] Về nhân thân: Ngày 15/6/2010 bị cáo Nguyễn Xuân M bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung xử phạt 14 tháng 21 ngày tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 29 tháng 12 ngày về tội "Dâm ô với trẻ em", đã chấp hành xong bản án như vậy bị cáo có nhân thân không tốt nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.4] Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ở địa phương các bị cáo luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có khả năng tự cải tạo, việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Đối với số tiền các bị cáo đã cho chị Trịnh Thị N vay 39.000.000 đồng; anh Vũ Văn H vay (05 lần) với số tiền 180.000.000 đồng; anh Trình Văn P vay (04 lần) với số tiền 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc Y vay (04 lần) với số tiền 170.000.000 đồng; anh Vũ Văn T vay (08 lần) với số tiền 140.000.000 đồng, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay rồi trả rồi tiếp tục vay nên số gốc được quay vòng, do đó xác định số tiền gốc (Làm phương tiện phạm tội) bị cáo đã cho vay là 319.000.000 đồng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ lại gốc chưa trả cho bị cáo Hoàn là 209.000.000 đồng (Gồm chị N 19.000.000 đồng, anh H 70.000.000 đồng, anh P 70.000.000 đồng, anh Y 50.000.000 đồng); H đã nhận lại số tiền gốc là 110.000.000 đồng (Gồm chị N 20.000.000 đồng, anh Y 90.000.000 đồng).

Bị cáo M cho anh Vũ Văn T vay (08 lần) là 140.000.000 đồng, đã trả gốc 40.000.000 đồng rồi tiếp tục vay 07 lần tiếp theo, như vậy tính đến ngày 12/01/2023 số tiền gốc làm phương tiện phạm tội của bị cáo M là 100.000.000 đồng đã cho anh T vay hết và anh T chưa trả lại cho bị cáo M.

[7.2] Đối với số tiền của bị cáo Trình Trung H cho chị Trịnh Thị N vay 39.000.000 đồng; đã thu gốc 20.000.000 đồng, còn lại 19.000.000 đồng; đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ bị cáo phạm tội nên truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước; truy thu của bị cáo 20.000.000 đồng và chị Trịnh Thị N 19.000.000 đồng; chị N đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 59.300.000 đồng, trong đó có 9.968.219 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu tịch thu của bị cáo H, còn số tiền 49.331.781 đồng chị N đã trả cho H là tiền thu lời bất chính nên trả lại cho chị N, nhưng chị N (Chị N có đơn đề nghị) không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu lời bất chính, đây là sự tự nguyện của chị N nên chấp nhận và không buộc bị cáo phải trả lại cho chị N.

[7.3] Đối với số tiền của bị cáo Trình Trung H cho anh Vũ Văn H vay tổng 05 lần với số tiền 180.000.000 đồng (Đã trả rồi lại vay lại nhiều lần); số tiền gốc thực cho vay là 70.000.000 đồng, còn lại ở khoản anh H chưa trả 70.000.000 đồng đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ bị cáo phạm tội nên truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước; truy thu tịch thu của anh Vũ Văn H 70.000.000 đồng.

Anh H đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 31.300.000 đồng, trong đó có 5.304.108 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu tịch thu của bị cáo H, còn số tiền 25.995.892 đồng anh H đã trả cho H là tiền thu lời bất chính nên trả lại cho anh H;

Đối với khoản vay số tiền 50.000.000 đồng (vay từ ngày 16/5/2023 đến ngày 30/5/2023), số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 2.301.370 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 383.562 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.917.808 đồng; do anh H chưa thanh toán số tiền lãi nên số tiền 383.562 đồng tiền lãi theo quy định được truy thu tịch thu của anh H sung quỹ nhà nước; số tiền được coi là thu lợi bất chính 1.917.808 đồng, anh H chưa trả nên không buộc bị cáo trả lại cho anh H.

[7.4] Đối với số tiền của bị cáo Trình Trung H cho anh Trình Văn P vay tổng 04 lần với số tiền 70.000.000 đồng; anh P chưa trả cho H số tiền gốc đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ bị cáo phạm tội nên truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước, truy thu tịch thu của anh Trình Văn P 70.000.000 đồng.

Anh P đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 41.000.000 đồng, trong đó có 9.659.753 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu tịch thu của bị cáo H, còn số tiền 31.328.247 đồng anh P đã trả cho H là tiền thu lời bất chính được trả lại cho anh P.

[7.5] Đối với số tiền của bị cáo Trình Trung H và Nguyễn Xuân M cho anh Nguyễn Ngọc Y vay tổng 04 lần với số tiền 170.000.000 đồng (Đã trả rồi lại vay lại nhiều lần thực số tiền gốc là 140.000.000 đồng); anh Y đã trả còn nợ lại 50.000.000 đồng đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ phạm tội nên truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Trình Trung H số tiền 90.000.000 đồng và anh Nguyễn Ngọc Y 50.000.000 đồng.

Anh Y đã trả cho bị cáo M và H tổng số tiền lãi là 92.000.000 đồng, trong đó có 15.019.179 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu tịch thu của bị cáo M và H. Theo thỏa thuận bị cáo M và bị cáo H thì H bỏ ra số tiền gốc cho vay, khi thu được số tiền lãi thì bị cáo M hưởng 10%, H 90%; như vậy truy thu tịch thu của bị cáo M 1.501.918 đồng; bị cáo H 13.517.261 đồng; còn số tiền 76.980.821 đồng anh Y đã trả cho M và H là tiền thu lời bất chính, nhưng anh Y (Anh Y có đơn đề nghị) không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu lời bất chính, đây là sự tự nguyện của anh Y nên chấp nhận và không buộc bị cáo phải trả lại cho anh Y.

[7.6] Đối với số tiền của bị cáo M cho anh T vay tổng 08 lần với số tiền 140.000.000 đồng (Đã trả rồi lại vay lại nhiều lần); số tiền gốc thực cho vay là 100.000.000 đồng đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ bị cáo phạm tội nên truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước; truy thu tịch thu của anh T 100.000.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 06/5/2023 chị Bùi Thị (Thúy) H vợ anh T viết là vay 110.000.000 đồng nhưng thực tế là 100.000.000 đồng).

Tổng 08 lần vay này anh T đã trả cho bị cáo M tổng số tiền lãi là 96.000.000 đồng (Lần 1 là 28.000.000 đồng và 07 lần sau là 68.000.000 đồng), trong đó có 14.367.123 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu tịch thu của bị cáo M, còn số tiền 76.980.821 đồng anh T đã trả cho M là tiền thu lời bất chính, nhưng anh T (Anh T có đơn đề nghị) không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu lời bất chính, đây là sự tự nguyện của anh T nên chấp nhận và không buộc bị cáo phải trả lại cho anh T.

[8] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử các bị cáo Trình Trung H đã nộp 200.000.000 đồng (Biên lai thu số AA/0001762 ngày 11/12/2023); bị cáo Nguyễn Xuân M đã nộp 100.000.000 đồng (Biên lai thu số AA/0001761 ngày 11/12/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung để khắc phục hậu quả, tiếp tục quy trữ số tiền trên để đảm

bảo thi hành án dân sự; số tiền nộp trên sau khi thi hành trừ vào các khoản phải thi hành án dân sự nếu còn thừa được trả lại cho các bị cáo.

[9] Vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số Imei: 353776398872…, Imei 2: 353776398937…, bên trong chứa sim số 0977674… thu giữ của Trình Trung H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh, có số imei: 356713111962…, bên trong chứa sim số 0971.1192… và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu trắng, số Imei 3538446081328…, bên trong chứa sim số 0823338… của Nguyễn Xuân M là điện thoại các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; số tiền các bị cáo phải hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các bị cáo đã nộp trước khi xét xử sơ thẩm vượt quá mức phải hoàn trả nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; khoản 2 Điều 35; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. *Tuyên bố*: Các bị cáo Trình Trung H, Nguyễn Xuân M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

II. *Xử phạt*:

1. Bị cáo Trình Trung H **02** (*Hai*) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **04** (*Bốn*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Bị cáo Nguyễn Xuân M **02** (*Hai*) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **04** (*Bốn*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Trình Trung H cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo Nguyễn Xuân M cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định của Luật Thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

III. *Trách nhiệm dân sự*:

1. Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước: (Gói vay của chị Trịnh Thị N).

- Bị cáo Trình Trung H 20.000.000 đồng; số tiền lãi 9.968.219 đồng. Tổng (02 khoản) 29.968.219 đồng (*Hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng*).

- Chị Trịnh Thị N 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

2. Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước: (Các gói vay của anh Vũ Văn H).

- Bị cáo Trình Trung H số tiền lãi 5.304.108 đồng (*Năm triệu ba trăm linh bốn nghìn một trăm linh tám đồng*).

- Anh Vũ Văn H 70.000.000 đồng và số tiền 383.562 đồng tiền lãi chưa trả. Tổng (02 khoản) 70.383.562 đồng (*Bảy mươi triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng*).

- Bị cáo Trình Trung H trả lại cho anh Vũ Văn H 25.995.892 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng*).

3. Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước: (Các gói vay của anh Trình Văn P).

- Bị cáo Trình Trung H số tiền lãi 9.659.753 đồng (*Chín triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

- Anh Trình Văn P 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

- Bị cáo Trình Trung H trả lại cho anh Trình Văn P 31.328.247 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

4. Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước: (Các gói vay của anh Nguyễn Ngọc Y).

- Bị cáo Trình Trung H 90.000.000 đồng; số tiền lãi 13.517.261 đồng. Tổng (02 khoản) 103.517.261 đồng (*Một trăm linh ba triệu năm trăm mười bảy nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Xuân M số tiền lãi 1.501.918 đồng (*Một triệu năm trăm linh một nghìn chín trăm mười tám đồng*).

- Anh Nguyễn Ngọc Y 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

5. Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước: (Các gói vay của anh Vũ Văn T).

- Bị cáo Nguyễn Xuân M số tiền lãi 4.624.658 đồng; số tiền lãi 14.367.123 đồng. Tổng (02 khoản) 18.991.781 đồng (*Mười tám triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*).

- Anh Vũ Văn T 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Tiếp tục quy trữ số tiền của bị cáo Trình Trung H đã nộp 200.000.000 đồng (Biên lai thu số AA/0001762 ngày 11/12/2023); bị cáo Nguyễn Xuân M đã nộp 100.000.000 đồng (Biên lai thu số AA/0001761 ngày 11/12/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung để đảm bảo thi hành án dân sự.

IV. *Vật chứng*: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, bên trong chứa sim số 0977674… thu giữ của Trình Trung H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh, bên trong chứa sim số 0971.1192… và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu trắng, bên trong chứa sim số 0823338… của Nguyễn Xuân M (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Trung và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung).

V. *Án phí*: Buộc bị cáo Trình Trung H, Nguyễn Xuân M mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hà Trung;*
- *Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung;*
- *Cơ quan THAHS huyện Hà Trung;*
- *Chi cục THADS huyện Hà Trung;*
- *Các bị cáo;*
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng